

DANH SÁCH NGƯỜI HỌC ĐƯỢC TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT  
NĂM HỌC 2024-2025

| Số TT | Số BD  | Họ và tên         |        | Ngày tháng năm sinh | Nơi sinh (huyện - tỉnh)       | Giới tính | Dân tộc | Học sinh trường THCS | Điểm thi |          |           | Tổng điểm | Điểm UT | Điểm xét tuyển | Ghi chú |
|-------|--------|-------------------|--------|---------------------|-------------------------------|-----------|---------|----------------------|----------|----------|-----------|-----------|---------|----------------|---------|
|       |        |                   |        |                     |                               |           |         |                      | Ngữ văn  | Toán học | Ngoại ngữ |           |         |                |         |
| 1     | 210085 | Đào Thị Quỳnh     | Chi    | 08/10/2009          | BVĐK số 1 tỉnh Lào Cai        | Nữ        | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 7,25     | 7,00     | 8,10      | 22,35     | 0,00    | 22,35          |         |
| 2     | 220323 | Hoàng Minh        | Toán   | 01/11/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 5,50     | 8,00     | 8,70      | 22,20     | 0,00    | 22,20          |         |
| 3     | 220132 | Nguyễn Minh       | Huy    | 30/01/2009          | Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc        | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 7,50     | 6,75     | 6,80      | 21,05     | 0,00    | 21,05          |         |
| 4     | 220326 | Chu Anh           | Tuấn   | 30/01/2009          | Ấn Thi - Hưng Yên             | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,25     | 8,25     | 6,50      | 21,00     | 0,00    | 21,00          |         |
| 5     | 200388 | Hoàng Phương      | Thu    | 11/05/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Giáy    | THCS TT Mường Khương | 6,25     | 7,25     | 6,50      | 20,00     | 1,00    | 21,00          |         |
| 6     | 220375 | Trần Thùy         | Trang  | 30/07/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,25     | 8,00     | 5,90      | 20,15     | 0,00    | 20,15          |         |
| 7     | 220339 | Nguyễn Quang      | Thành  | 07/07/2009          | Trạm y tế xã Lô Giang         | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 7,25     | 7,25     | 5,20      | 19,70     | 0,00    | 19,70          |         |
| 8     | 160180 | Lê Hải            | Lâm    | 04/06/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,25     | 7,75     | 5,50      | 19,50     | 0,00    | 19,50          |         |
| 9     | 160249 | Đình Bảo          | Ngọc   | 04/05/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,25     | 7,50     | 5,40      | 19,15     | 0,00    | 19,15          |         |
| 10    | 220337 | Lưu Thị Phương    | Thanh  | 12/12/2009          | Bệnh viện Hùng Vương - TP.HCM | Nữ        | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,25     | 7,25     | 5,40      | 18,90     | 0,00    | 18,90          |         |
| 11    | 220389 | Nguyễn Thị Thu    | Uyên   | 19/11/2009          | BVĐK tỉnh Vĩnh Phúc           | Nữ        | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,50     | 7,00     | 5,30      | 18,80     | 0,00    | 18,80          |         |
| 12    | 200005 | Hoàng Minh        | Anh    | 18/09/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 5,25     | 6,50     | 5,80      | 17,55     | 1,00    | 18,55          |         |
| 13    | 160118 | Nguyễn Quang      | Hải    | 12/08/2009          | BVĐK Mường Khương             | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 5,00     | 8,25     | 5,30      | 18,55     | 0,00    | 18,55          |         |
| 14    | 220031 | Lùng Thị          | Chi    | 02/02/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 6,50     | 6,50     | 4,50      | 17,50     | 1,00    | 18,50          |         |
| 15    | 200396 | Phan Quang        | Thục   | 10/10/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 4,25     | 7,75     | 5,30      | 17,30     | 1,00    | 18,30          |         |
| 16    | 220228 | Nguyễn Trần       | Nguyễn | 20/02/2009          | Bệnh viện Nông nghiệp         | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 4,00     | 8,50     | 5,70      | 18,20     | 0,00    | 18,20          |         |
| 17    | 200019 | Lù Thị Ngọc       | Ánh    | 04/03/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 7,50     | 5,50     | 4,20      | 17,20     | 1,00    | 18,20          |         |
| 18    | 220134 | Trần An           | Huy    | 11/10/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 4,50     | 8,25     | 4,10      | 16,85     | 1,00    | 17,85          |         |
| 19    | 220193 | Nguyễn Thị Thanh  | Mai    | 30/12/2009          | Trạm y tế xã Kim Xá           | Nữ        | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 7,00     | 6,75     | 3,90      | 17,65     | 0,00    | 17,65          |         |
| 20    | 220123 | Nguyễn Trường Huy | Hoàng  | 14/08/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 5,75     | 8,25     | 3,60      | 17,60     | 0,00    | 17,60          |         |
| 21    | 220330 | Thang Thanh       | Tùng   | 20/07/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Tày     | THCS TT Mường Khương | 5,00     | 6,75     | 4,80      | 16,55     | 1,00    | 17,55          |         |
| 22    | 220244 | Hoàng Lạc Hoài    | Oanh   | 21/03/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nữ        | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 5,50     | 7,00     | 3,90      | 16,40     | 1,00    | 17,40          |         |
| 23    | 200451 | Thào Anh          | Tuấn   | 03/09/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Pa Dí   | THCS TT Mường Khương | 5,75     | 7,25     | 3,30      | 16,30     | 1,00    | 17,30          |         |
| 24    | 220151 | Nguyễn Văn        | Khương | 20/01/2009          | BVĐK tỉnh Vĩnh Phúc           | Nam       | Kinh    | THCS TT Mường Khương | 6,50     | 6,50     | 4,10      | 17,10     | 0,00    | 17,10          |         |
| 25    | 220084 | Nguyễn Đạt Trường | Giang  | 01/12/2009          | Mường Khương - Lào Cai        | Nam       | Nùng    | THCS TT Mường Khương | 5,00     | 5,75     | 5,20      | 15,95     | 1,00    | 16,95          |         |

4

|    |        |                 |        |            |                        |     |        |                            |      |      |      |       |      |       |             |
|----|--------|-----------------|--------|------------|------------------------|-----|--------|----------------------------|------|------|------|-------|------|-------|-------------|
| 26 | 220102 | Ngô Thế         | Hiếu   | 09/09/2009 | Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 5,25 | 7,50 | 4,10 | 16,85 | 0,00 | 16,85 |             |
| 27 | 250146 | Lùng Thị        | Vân    | 10/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 5,75 | 6,50 | 3,40 | 15,65 | 1,00 | 16,65 |             |
| 28 | 220345 | Cổ Thị Thanh    | Thảo   | 18/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Tây    | THCS TT Mường Khương       | 6,25 | 6,25 | 3,10 | 15,60 | 1,00 | 16,60 |             |
| 29 | 200208 | Thào Tuệ        | Linh   | 04/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS TT Mường Khương       | 5,25 | 5,75 | 4,60 | 15,60 | 1,00 | 16,60 |             |
| 30 | 220167 | Hoàng Trương Mỹ | Lệ     | 01/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 5,75 | 6,75 | 2,90 | 15,40 | 1,00 | 16,40 |             |
| 31 | 220374 | Nguyễn Thùy     | Trang  | 29/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 5,00 | 6,75 | 4,60 | 16,35 | 0,00 | 16,35 |             |
| 32 | 220001 | Lù Minh         | An     | 04/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 5,50 | 7,25 | 2,50 | 15,25 | 1,00 | 16,25 |             |
| 33 | 220162 | Lục Thanh       | Lâm    | 04/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 5,25 | 6,25 | 3,60 | 15,10 | 1,00 | 16,10 |             |
| 34 | 250100 | Tráng Thị       | Phuong | 20/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | H'Mông | PTDTBT THCS Lũng Khẩu Nhìn | 6,25 | 5,00 | 3,80 | 15,05 | 1,00 | 16,05 |             |
| 35 | 220010 | Lưu Gia         | Bảo    | 25/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 4,50 | 6,75 | 4,50 | 15,75 | 0,00 | 15,75 |             |
| 36 | 250088 | Lêng Thào       | Nhi    | 29/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | PTDTBT THCS Lũng Khẩu Nhìn | 7,00 | 4,75 | 3,00 | 14,75 | 1,00 | 15,75 |             |
| 37 | 250010 | Long Tô         | Chúc   | 02/10/2008 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS Thị trấn Mường Khương | 5,00 | 6,50 | 3,20 | 14,70 | 1,00 | 15,70 |             |
| 38 | 220334 | Tạ Quốc         | Thái   | 17/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 4,50 | 7,75 | 3,40 | 15,65 | 0,00 | 15,65 |             |
| 39 | 250083 | Ly Ánh          | Ngọc   | 31/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS Thị trấn Mường Khương | 5,00 | 6,75 | 2,90 | 14,65 | 1,00 | 15,65 |             |
| 40 | 220390 | Vàng Ngọc       | Uyên   | 17/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 2,75 | 6,25 | 5,60 | 14,60 | 1,00 | 15,60 | Tiếng Trung |
| 41 | 220310 | Ma Thị          | Sửu    | 24/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | H'Mông | THCS TT Mường Khương       | 2,75 | 5,75 | 6,00 | 14,50 | 1,00 | 15,50 | Tiếng Trung |
| 42 | 250037 | Thần Thị Đông   | Hân    | 07/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | PTDTBT THCS Nậm Cháy       | 5,00 | 6,25 | 3,20 | 14,45 | 1,00 | 15,45 |             |
| 43 | 160201 | Trần Khánh      | Linh   | 14/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 4,50 | 4,75 | 6,20 | 15,45 | 0,00 | 15,45 |             |
| 44 | 220356 | Thần Thị Kim    | Thoa   | 08/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 6,25 | 4,50 | 3,50 | 14,25 | 1,00 | 15,25 |             |
| 45 | 220360 | Ma Thị          | Thu    | 03/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS TT Mường Khương       | 2,50 | 6,50 | 5,20 | 14,20 | 1,00 | 15,20 | Tiếng Trung |
| 46 | 220257 | Ma Seo          | Phanh  | 07/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS Nậm Cháy              | 6,25 | 3,00 | 4,90 | 14,15 | 1,00 | 15,15 |             |
| 47 | 250068 | Ly Thị          | Linh   | 11/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | PTDTBT THCS Nậm Lư         | 6,50 | 4,25 | 3,40 | 14,15 | 1,00 | 15,15 |             |
| 48 | 220298 | Phạm Tiến       | Sĩ     | 12/09/2009 | Tiền Hải - Thái Bình   | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 5,25 | 7,50 | 2,30 | 15,05 | 0,00 | 15,05 |             |
| 49 | 200207 | Thào Thị Diệu   | Linh   | 25/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | Trường THCS Na Lóc         | 5,00 | 4,00 | 5,00 | 14,00 | 1,00 | 15,00 |             |
| 50 | 250116 | Giàng Seo       | Sú     | 07/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | TH&THCS Dìn Chìn           | 4,50 | 5,75 | 3,70 | 13,95 | 1,00 | 14,95 |             |
| 51 | 220211 | Trần Bảo        | Nam    | 09/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 7,00 | 3,80 | 14,80 | 0,00 | 14,80 |             |
| 52 | 220373 | Nguyễn Hà Vi    | Trang  | 10/08/2009 | Than Uyên - Lai Châu   | Nữ  | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 6,75 | 4,00 | 14,75 | 0,00 | 14,75 |             |
| 53 | 250025 | Vàng Thị        | Đoan   | 30/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | PTDTBT THCS Nậm Cháy       | 5,00 | 4,00 | 4,70 | 13,70 | 1,00 | 14,70 |             |
| 54 | 250073 | Phan Ty         | Mấy    | 16/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao    | PTDTBT THCS Lũng Khẩu Nhìn | 5,75 | 4,00 | 3,90 | 13,65 | 1,00 | 14,65 |             |
| 55 | 220181 | Tráng Thành     | Long   | 27/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | H'Mông | THCS TT Mường Khương       | 4,25 | 6,50 | 2,80 | 13,55 | 1,00 | 14,55 |             |
| 56 | 250148 | Hoàng Thị       | Vân    | 30/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | PTDTBT THCS Pha Long       | 5,75 | 5,00 | 2,80 | 13,55 | 1,00 | 14,55 |             |
| 57 | 220156 | Ma Seo          | Lan    | 23/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | TH&THCS Dìn Chìn           | 3,75 | 6,25 | 3,50 | 13,50 | 1,00 | 14,50 |             |
| 58 | 220231 | Lù Ngọc         | Nguyễn | 08/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 3,50 | 5,75 | 4,20 | 13,45 | 1,00 | 14,45 |             |

Handwritten signature/initials.

|    |        |                |        |            |                        |     |       |                            |      |      |      |       |      |       |             |
|----|--------|----------------|--------|------------|------------------------|-----|-------|----------------------------|------|------|------|-------|------|-------|-------------|
| 59 | 220011 | Lù Tiến        | Bảo    | 27/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 6,50 | 2,90 | 13,40 | 1,00 | 14,40 |             |
| 60 | 220069 | Bàn Phan Thùy  | Dương  | 28/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao   | THCS TT Mường Khương       | 3,75 | 5,75 | 3,90 | 13,40 | 1,00 | 14,40 |             |
| 61 | 250121 | Hồ Hương       | Thảo   | 07/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao   | PTDTBT THCS Lũng Khấu Nhì  | 5,75 | 3,25 | 4,30 | 13,30 | 1,00 | 14,30 |             |
| 62 | 250056 | Pờ Dung        | Huy    | 29/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Pa Dí | TH&THCS Lò Sừ Thàng        | 4,00 | 6,75 | 2,50 | 13,25 | 1,00 | 14,25 |             |
| 63 | 250009 | Thảo Thị       | Chú    | 12/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS Tà Ngải Chồ           | 4,08 | 5,25 | 3,90 | 13,23 | 1,00 | 14,23 |             |
| 64 | 220178 | Trần Thị Thúy  | Linh   | 25/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 4,75 | 5,75 | 2,70 | 13,20 | 1,00 | 14,20 |             |
| 65 | 250141 | Lồ Văn         | Tuấn   | 17/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | PTDTBT THCS Pha Long       | 5,50 | 4,00 | 3,60 | 13,10 | 1,00 | 14,10 |             |
| 66 | 250087 | Thảo Yến       | Nhi    | 22/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS Na Lốc xã Bàn Lầu     | 6,00 | 3,50 | 3,60 | 13,10 | 1,00 | 14,10 |             |
| 67 | 250041 | Giảng Thị      | Hoa    | 29/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | PTDTBT THCS Nậm Cháy       | 4,50 | 4,75 | 3,80 | 13,05 | 1,00 | 14,05 |             |
| 68 | 250130 | Tần Thị        | Thủy   | 25/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao   | PTDTBT THCS Lũng Khấu Nhì  | 6,25 | 4,00 | 2,80 | 13,05 | 1,00 | 14,05 |             |
| 69 | 250113 | Vàng Thị       | Soi    | 09/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | PTDTBT THCS Nậm Lư         | 5,50 | 3,17 | 4,30 | 12,97 | 1,00 | 13,97 |             |
| 70 | 220215 | Lũng Rền       | Ninh   | 19/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | TH&THCS Lò Sừ Thàng        | 5,25 | 5,00 | 2,70 | 12,95 | 1,00 | 13,95 |             |
| 71 | 220227 | Thần Trung     | Ngọc   | 16/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 3,00 | 5,25 | 4,70 | 12,95 | 1,00 | 13,95 |             |
| 72 | 250151 | Hoàng Hải      | Ví     | 01/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | PTDTBT THCS Nậm Lư         | 6,75 | 3,00 | 3,20 | 12,95 | 1,00 | 13,95 |             |
| 73 | 220155 | Hoàng Thị      | Lan    | 13/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS Nậm Cháy              | 4,50 | 4,50 | 3,90 | 12,90 | 1,00 | 13,90 |             |
| 74 | 250089 | Vàng Thị Tuyết | Nhi    | 07/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS Tà Ngải Chồ           | 5,50 | 3,50 | 3,90 | 12,90 | 1,00 | 13,90 |             |
| 75 | 250057 | Tráng Minh     | Huyền  | 19/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí | PTDTBT THCS Thanh Bình     | 5,75 | 4,50 | 2,60 | 12,85 | 1,00 | 13,85 |             |
| 76 | 220164 | Tráng Văn      | Lân    | 10/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Hmông | THCS TT Mường Khương       | 2,75 | 3,25 | 6,80 | 12,80 | 1,00 | 13,80 | Tiếng Trung |
| 77 | 250021 | Phan Thị Anh   | Đào    | 15/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao   | PTDTBT THCS Nậm Cháy       | 5,25 | 3,25 | 4,30 | 12,80 | 1,00 | 13,80 |             |
| 78 | 250011 | Tráng Thịnh    | Chung  | 12/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | PTDTBT THCS Pha Long       | 4,25 | 3,75 | 4,80 | 12,80 | 1,00 | 13,80 |             |
| 79 | 220060 | Lũng Quang     | Dũng   | 03/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 3,50 | 6,25 | 3,00 | 12,75 | 1,00 | 13,75 |             |
| 80 | 220150 | Hoàng Anh      | Khương | 03/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 4,50 | 6,25 | 3,00 | 13,75 | 0,00 | 13,75 |             |
| 81 | 220028 | Ly Thùy        | Chi    | 12/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Hmông | THCS TT Mường Khương       | 4,75 | 5,25 | 2,70 | 12,70 | 1,00 | 13,70 |             |
| 82 | 220109 | Thảo Thị       | Hoa    | 25/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS Nậm Cháy              | 3,00 | 6,50 | 3,20 | 12,70 | 1,00 | 13,70 |             |
| 83 | 220415 | Đỗ Hải         | Yến    | 15/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 5,25 | 4,75 | 2,70 | 12,70 | 1,00 | 13,70 |             |
| 84 | 250161 | Thần Phú       | Xuyến  | 22/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | PTDTBT THCS Thanh Bình     | 5,50 | 4,00 | 3,20 | 12,70 | 1,00 | 13,70 |             |
| 85 | 220115 | Tráng Thị      | Hoa    | 22/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS Lũng Khấu Nhì         | 4,25 | 4,50 | 3,80 | 12,55 | 1,00 | 13,55 |             |
| 86 | 250118 | Lù Thị Hồng    | Thám   | 22/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | PTDTBT THCS Nậm Lư         | 4,50 | 4,50 | 3,50 | 12,50 | 1,00 | 13,50 |             |
| 87 | 250091 | Tráng Chín     | Nụ     | 13/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí | THCS Thị trấn Mường Khương | 4,00 | 6,00 | 2,50 | 12,50 | 1,00 | 13,50 |             |
| 88 | 220072 | Lê Văn         | Đạt    | 22/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 3,00 | 5,50 | 4,90 | 13,40 | 0,00 | 13,40 |             |
| 89 | 250047 | Lù Thị         | Hoài   | 29/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | PTDTBT THCS Nậm Cháy       | 3,50 | 6,50 | 2,40 | 12,40 | 1,00 | 13,40 |             |
| 90 | 220034 | Ma Thị         | Chô    | 29/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Hmông | THCS TT Mường Khương       | 4,50 | 5,25 | 2,60 | 12,35 | 1,00 | 13,35 |             |
| 91 | 220235 | Đặng Yến       | Nhi    | 21/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 4,75 | 3,60 | 12,35 | 1,00 | 13,35 |             |

173

|     |        |                  |        |            |                        |     |       |                            |      |      |      |       |      |       |             |
|-----|--------|------------------|--------|------------|------------------------|-----|-------|----------------------------|------|------|------|-------|------|-------|-------------|
| 92  | 220281 | Vàng Đức         | Quần   | 04/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | THCS TT Mường Khương       | 4,75 | 5,75 | 1,80 | 12,30 | 1,00 | 13,30 |             |
| 93  | 250120 | Thảo Xuyên       | Thành  | 06/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | PTDTBT THCS Pha Long       | 5,75 | 3,75 | 2,80 | 12,30 | 1,00 | 13,30 |             |
| 94  | 220073 | Đỗ Thành         | Đạt    | 16/04/2009 | Trần yên - Yên Bái     | Nam | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 5,00 | 5,25 | 3,00 | 13,25 | 0,00 | 13,25 |             |
| 95  | 220182 | Giảng Chín       | Long   | 10/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | TH&THCS Dìn Chín           | 3,75 | 4,50 | 4,00 | 12,25 | 1,00 | 13,25 |             |
| 96  | 220020 | Giảng Xuân       | Cường  | 27/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | THCS Pha Long              | 4,00 | 4,00 | 4,20 | 12,20 | 1,00 | 13,20 |             |
| 97  | 220004 | Nguyễn Hoàng     | Anh    | 26/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 3,75 | 6,00 | 3,40 | 13,15 | 0,00 | 13,15 |             |
| 98  | 220175 | Ma Thị Thùy      | Linh   | 07/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | THCS TT Mường Khương       | 4,25 | 4,50 | 3,40 | 12,15 | 1,00 | 13,15 |             |
| 99  | 220397 | Thần Thị         | Vân    | 27/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | TH&THCS Tung Chung Phố     | 4,50 | 4,00 | 3,60 | 12,10 | 1,00 | 13,10 |             |
| 100 | 250061 | Lù Thị           | Khen   | 04/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | TH&THCS Lò Sừ Thắng        | 5,25 | 4,75 | 2,10 | 12,10 | 1,00 | 13,10 |             |
| 101 | 200146 | Nùng Lìn         | Hưng   | 03/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | TH&THCS Lò Sừ Thắng        | 4,00 | 5,00 | 3,10 | 12,10 | 1,00 | 13,10 |             |
| 102 | 220082 | Pờ Trường        | Giang  | 27/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Pa Dí | THCS TT Mường Khương       | 5,25 | 3,75 | 3,00 | 12,00 | 1,00 | 13,00 |             |
| 103 | 220361 | Bùi Thị          | Thu    | 10/08/2009 | Trần Yên - Yên Bái     | Nữ  | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 3,50 | 6,00 | 3,50 | 13,00 | 0,00 | 13,00 |             |
| 104 | 220382 | Nguyễn Hữu       | Trung  | 24/08/2009 | Yên Lạc - Vĩnh Phúc    | Nam | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 3,25 | 5,75 | 3,90 | 12,90 | 0,00 | 12,90 |             |
| 105 | 220377 | Vùi Mai          | Trang  | 07/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 5,00 | 3,75 | 3,10 | 11,85 | 1,00 | 12,85 |             |
| 106 | 220177 | Lục Thùy         | Linh   | 21/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | TH&THCS Chợ Chậu           | 5,50 | 3,50 | 2,80 | 11,80 | 1,00 | 12,80 |             |
| 107 | 250152 | Vàng Thị         | Viễn   | 08/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | PTDTBT THCS Nậm Lư         | 5,75 | 2,75 | 3,30 | 11,80 | 1,00 | 12,80 |             |
| 108 | 220219 | Trang Hoàng Hồng | Ngát   | 07/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí | TH&THCS Chợ Chậu           | 4,50 | 3,75 | 3,50 | 11,75 | 1,00 | 12,75 |             |
| 109 | 220380 | Lù Tiến          | Trình  | 21/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | THCS TT Mường Khương       | 3,50 | 5,75 | 2,50 | 11,75 | 1,00 | 12,75 |             |
| 110 | 250145 | Lù Thị Hồng      | Vân    | 30/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao   | PTDTBT THCS Nậm Cháy       | 4,25 | 4,00 | 3,50 | 11,75 | 1,00 | 12,75 |             |
| 111 | 200274 | Hoàng Thị        | Nguyệt | 04/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng  | TH&THCS Lò Sừ Thắng        | 3,25 | 5,00 | 3,50 | 11,75 | 1,00 | 12,75 |             |
| 112 | 250072 | Phản Diệu        | Ly     | 26/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao   | PTDTBT THCS Thanh Bình     | 5,00 | 4,50 | 2,20 | 11,70 | 1,00 | 12,70 |             |
| 113 | 250117 | Lù Văn           | Thái   | 26/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | PTDTBT THCS Lũng Khẩu Nhín | 2,75 | 5,00 | 3,90 | 11,65 | 1,00 | 12,65 |             |
| 114 | 220091 | Nguyễn Hồng      | Hạnh   | 02/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Kinh  | THCS Pha Long              | 5,75 | 3,25 | 3,60 | 12,60 | 0,00 | 12,60 |             |
| 115 | 220114 | Sùng Thị Mai     | Hoa    | 14/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | Trường THCS Na Lóc         | 4,25 | 2,50 | 4,80 | 11,55 | 1,00 | 12,55 | Tiếng Trung |
| 116 | 220320 | Giảng Seo        | Tĩnh   | 08/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Hmông | THCS TT Mường Khương       | 2,25 | 5,50 | 3,80 | 11,55 | 1,00 | 12,55 | Tiếng Trung |
| 117 | 250112 | Thảo Thị         | Soan   | 26/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | PTDTBT THCS Pha Long       | 5,25 | 3,75 | 2,50 | 11,50 | 1,00 | 12,50 |             |
| 118 | 250155 | Lù Thị Liên      | Xây    | 19/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | TH&THCS Dìn Chín           | 5,00 | 3,75 | 2,70 | 11,45 | 1,00 | 12,45 |             |
| 119 | 220210 | Pờ Dung          | Nam    | 18/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Pa Dí | THCS TT Mường Khương       | 3,00 | 5,00 | 3,40 | 11,40 | 1,00 | 12,40 |             |
| 120 | 220318 | Hồ Thùy          | Tiền   | 08/08/2008 | Thanh Ba - Phú Thọ     | Nữ  | Kinh  | THCS TT Mường Khương       | 5,50 | 3,50 | 3,40 | 12,40 | 0,00 | 12,40 |             |
| 121 | 220036 | Sùng Thanh       | Chú    | 17/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | TH&THCS Dìn Chín           | 1,50 | 5,00 | 4,80 | 11,30 | 1,00 | 12,30 |             |
| 122 | 220126 | Cư Chấn          | Hồng   | 01/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông  | TH&THCS Tung Chung Phố     | 4,00 | 4,00 | 3,30 | 11,30 | 1,00 | 12,30 |             |
| 123 | 220331 | Vàng Anh         | Tuyết  | 12/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông  | PTDTBT THCS Pha Long       | 5,00 | 3,00 | 3,30 | 11,30 | 1,00 | 12,30 |             |
| 124 | 250034 | Hoàng Tiến       | Giang  | 29/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng  | TH&THCS Lò Sừ Thắng        | 4,00 | 4,50 | 2,80 | 11,30 | 1,00 | 12,30 |             |

174

|     |        |                 |        |            |                        |     |            |                            |      |      |      |       |      |       |             |
|-----|--------|-----------------|--------|------------|------------------------|-----|------------|----------------------------|------|------|------|-------|------|-------|-------------|
| 125 | 250086 | Giảng           | Nhất   | 24/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông       | PTDTBT THCS Pha Long       | 4,75 | 3,25 | 3,30 | 11,30 | 1,00 | 12,30 |             |
| 126 | 220006 | Vàng Thị        | Anh    | 06/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | THCS Năm Lư                | 3,25 | 4,00 | 4,00 | 11,25 | 1,00 | 12,25 |             |
| 127 | 220012 | Sùng Thị        | Bảy    | 05/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | THCS Năm Cháy              | 3,25 | 4,50 | 3,50 | 11,25 | 1,00 | 12,25 |             |
| 128 | 220180 | Ly Thị          | Loan   | 22/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | THCS Lũng Khẩu Nhìn        | 4,75 | 3,50 | 3,00 | 11,25 | 1,00 | 12,25 |             |
| 129 | 220252 | Giảng           | Phả    | 01/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | TH&THCS Chợ Chậu           | 4,00 | 4,50 | 2,70 | 11,20 | 1,00 | 12,20 |             |
| 130 | 250049 | Sùng Thị        | Hoàng  | 25/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | THCS Tả Ngải Chồ           | 5,00 | 3,50 | 2,70 | 11,20 | 1,00 | 12,20 |             |
| 131 | 250163 | Hàng Phương     | Yến    | 20/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | THCS TT Mường Khương       | 3,75 | 4,75 | 2,70 | 11,20 | 1,00 | 12,20 |             |
| 132 | 220285 | Tráng Mai       | Quyển  | 31/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | THCS Thanh Bình            | 5,25 | 3,50 | 2,40 | 11,15 | 1,00 | 12,15 |             |
| 133 | 250019 | Lù Sừ           | Đàn    | 10/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng       | PTDTBT THCS Lũng Khẩu Nhìn | 5,50 | 3,75 | 1,90 | 11,15 | 1,00 | 12,15 |             |
| 134 | 250022 | Ma Thị          | Đào    | 29/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | PTDTBT THCS Năm Lư         | 5,25 | 3,00 | 2,90 | 11,15 | 1,00 | 12,15 |             |
| 135 | 250094 | Ma Thị          | Phê    | 19/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | TH&THCS Tung Chung Phố     | 6,50 | 2,25 | 2,40 | 11,15 | 1,00 | 12,15 |             |
| 136 | 220189 | Hà Trần Cẩm     | Ly     | 16/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Kinh       | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 4,50 | 3,60 | 12,10 | 0,00 | 12,10 |             |
| 137 | 220217 | Thào Thị Nguyệt | Nga    | 17/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Hmông      | THCS Cao Sơn               | 3,25 | 5,00 | 2,80 | 11,05 | 1,00 | 12,05 |             |
| 138 | 220229 | Đào             | Nguyễn | 06/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh       | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 5,25 | 2,80 | 12,05 | 0,00 | 12,05 |             |
| 139 | 220316 | Lục Thị Mỹ      | Tâm    | 01/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | THCS TT Mường Khương       | 4,00 | 3,00 | 4,00 | 11,00 | 1,00 | 12,00 | Tiếng Trung |
| 140 | 250107 | Giảng Thị       | Sân    | 17/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | PTDTBT THCS Pha Long       | 4,25 | 3,75 | 3,00 | 11,00 | 1,00 | 12,00 |             |
| 141 | 250103 | Hàng Thị        | Phương | 20/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | TH&THCS Tung Chung Phố     | 6,50 | 2,50 | 1,90 | 10,90 | 1,00 | 11,90 |             |
| 142 | 220096 | Sùng Thị        | Hiền   | 23/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | TH&THCS Chợ Chậu           | 5,25 | 2,50 | 3,10 | 10,85 | 1,00 | 11,85 |             |
| 143 | 220199 | Nguyễn Đức      | Mạnh   | 03/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh       | THCS TT Mường Khương       | 3,75 | 5,50 | 2,60 | 11,85 | 0,00 | 11,85 |             |
| 144 | 250096 | Chấu Hồ         | Phủ    | 11/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông       | PTDTBT THCS Pha Long       | 3,50 | 2,75 | 4,60 | 10,85 | 1,00 | 11,85 |             |
| 145 | 220267 | Thào Thị        | Phương | 18/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | THCS TT Mường Khương       | 2,00 | 2,75 | 6,00 | 10,75 | 1,00 | 11,75 | Tiếng Trung |
| 146 | 220269 | Lừ Thị          | Phương | 09/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | THCS Pha Long              | 3,00 | 3,75 | 4,00 | 10,75 | 1,00 | 11,75 |             |
| 147 | 250106 | Giảng Mạnh      | Quỳnh  | 20/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông       | TH&THCS Lò Sừ Thàng        | 4,00 | 3,75 | 3,00 | 10,75 | 1,00 | 11,75 |             |
| 148 | 250159 | Lồ Thị          | Xuân   | 06/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | PTDTBT THCS Pha Long       | 4,17 | 4,25 | 2,30 | 10,72 | 1,00 | 11,72 |             |
| 149 | 250005 | Sì Thị Ngọc     | Ánh    | 02/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Phù Lá     | PTDTBT THCS Năm Lư         | 4,50 | 3,50 | 2,70 | 10,70 | 1,00 | 11,70 |             |
| 150 | 220087 | Vàng Thu        | Hà     | 27/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | THCS Năm Lư                | 4,75 | 3,00 | 2,90 | 10,65 | 1,00 | 11,65 |             |
| 151 | 250160 | Hồ Chấn         | Xương  | 01/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Thư<br>Lào | PTDTBT THCS Năm Cháy       | 2,50 | 3,75 | 4,40 | 10,65 | 1,00 | 11,65 |             |
| 152 | 220092 | Chấu Thúy       | Hằng   | 16/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao        | THCS Năm Cháy              | 4,50 | 3,50 | 2,60 | 10,60 | 1,00 | 11,60 |             |
| 153 | 250046 | Tráng Thị Thu   | Hoài   | 24/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng       | PTDTBT THCS Thanh Bình     | 5,50 | 2,50 | 2,60 | 10,60 | 1,00 | 11,60 |             |
| 154 | 250140 | Lừ Văn          | Tuấn   | 18/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông       | PTDTBT THCS Pha Long       | 4,25 | 4,25 | 2,10 | 10,60 | 1,00 | 11,60 |             |
| 155 | 220395 | Vàng Thị        | Vân    | 01/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | THCS Pha Long              | 3,00 | 5,25 | 2,30 | 10,55 | 1,00 | 11,55 |             |
| 156 | 250043 | Vàng Thị        | Hoa    | 19/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông       | TH&THCS Tung Chung Phố     | 5,50 | 2,25 | 2,80 | 10,55 | 1,00 | 11,55 |             |
| 157 | 220172 | Tần Thúy        | Linh   | 25/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao        | THCS Thanh Bình            | 4,25 | 2,75 | 3,50 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |

stc

|     |        |                |        |            |                              |     |        |                            |      |      |      |       |      |       |             |
|-----|--------|----------------|--------|------------|------------------------------|-----|--------|----------------------------|------|------|------|-------|------|-------|-------------|
| 158 | 220295 | Lù Thị         | Sen    | 25/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Nùng   | THCS Lung Khẩu Nhìn        | 4,25 | 3,75 | 2,50 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |
| 159 | 220351 | Vàng Chử       | Thật   | 09/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Nùng   | TH&THCS Lò Sừ Thàng        | 2,75 | 4,75 | 3,00 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |
| 160 | 250017 | Ly Phà         | Cường  | 20/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Mông   | TH&THCS Tung Chung Phố     | 4,50 | 2,50 | 3,50 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |
| 161 | 250129 | Chấu Minh      | Thuận  | 09/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Dao    | PTDTBT THCS Lung Khẩu Nhìn | 4,50 | 3,00 | 3,00 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |
| 162 | 250007 | Ma Văn         | Bình   | 26/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Mông   | PTDTBT THCS Pha Long       | 3,25 | 4,75 | 2,50 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |
| 163 | 250014 | Lùng Thị       | Cúc    | 03/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Nùng   | PTDTBT THCS Thanh Bình     | 6,75 | 1,25 | 2,50 | 10,50 | 1,00 | 11,50 |             |
| 164 | 220240 | Lù Thị Quỳnh   | Như    | 16/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 3,25 | 3,75 | 3,40 | 10,40 | 1,00 | 11,40 |             |
| 165 | 220358 | Chấu Thị       | Thom   | 10/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | THCS Năm Lư                | 4,50 | 3,50 | 2,40 | 10,40 | 1,00 | 11,40 |             |
| 166 | 220378 | Lý Mai         | Trang  | 23/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Nùng   | PTDTBT THCS Pha Long       | 3,50 | 3,50 | 3,40 | 10,40 | 1,00 | 11,40 |             |
| 167 | 220101 | Ngô Đức        | Hiếu   | 08/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 3,25 | 5,25 | 2,80 | 11,30 | 0,00 | 11,30 |             |
| 168 | 220103 | Nguyễn Trọng   | Hiếu   | 07/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 3,50 | 4,50 | 3,30 | 11,30 | 0,00 | 11,30 |             |
| 169 | 220142 | Vàng Chấn      | Khánh  | 25/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Pá di  | THCS TT Mường Khương       | 4,25 | 3,75 | 2,30 | 10,30 | 1,00 | 11,30 |             |
| 170 | 220197 | Cư Thị         | Mai    | 22/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | TH&THCS Tung Chung Phố     | 5,00 | 3,00 | 2,30 | 10,30 | 1,00 | 11,30 |             |
| 171 | 220273 | Giàng Thị      | Phương | 08/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | THCS Tà Ngải Chồ           | 2,50 | 5,00 | 2,80 | 10,30 | 1,00 | 11,30 |             |
| 172 | 220009 | Lê Gia         | Bảo    | 25/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Kinh   | THCS TT Mường Khương       | 4,25 | 5,00 | 2,00 | 11,25 | 0,00 | 11,25 |             |
| 173 | 220212 | Giàng Chá      | Nam    | 23/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Mông   | TH&THCS Tung Chung Phố     | 4,75 | 3,00 | 2,50 | 10,25 | 1,00 | 11,25 |             |
| 174 | 220327 | Giàng Văn      | Tuấn   | 27/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Mông   | TH&THCS Dìn Chìn           | 3,50 | 4,00 | 2,70 | 10,20 | 1,00 | 11,20 |             |
| 175 | 220409 | Sùng Thị       | Xoa    | 14/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Hmông  | THCS Lung Khẩu Nhìn        | 4,00 | 3,00 | 3,20 | 10,20 | 1,00 | 11,20 |             |
| 176 | 250153 | Ma Thị         | Vường  | 28/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Nùng   | PTDTBT THCS Năm Lư         | 5,25 | 2,75 | 2,20 | 10,20 | 1,00 | 11,20 |             |
| 177 | 220005 | Nông Hoàng     | Anh    | 13/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 3,00 | 4,75 | 2,40 | 10,15 | 1,00 | 11,15 |             |
| 178 | 220179 | Phạm Thị Thanh | Loan   | 29/12/2009 | Bệnh viện ĐK huyện Thanh Sơn | Nữ  | Kinh   | THCS Chu Văn An            | 5,25 | 3,50 | 2,40 | 11,15 | 0,00 | 11,15 |             |
| 179 | 220280 | Ly Bình        | Quản   | 07/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Dao    | THCS TT Mường Khương       | 2,75 | 3,00 | 4,40 | 10,15 | 1,00 | 11,15 | Tiếng Trung |
| 180 | 220405 | Lù Vương Ngọc  | Vũ     | 30/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Nùng   | THCS TT Mường Khương       | 3,00 | 5,25 | 1,90 | 10,15 | 1,00 | 11,15 |             |
| 181 | 220414 | Ma Thị Hải     | Yến    | 04/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Hmông  | THCS TT Mường Khương       | 2,75 | 4,25 | 3,10 | 10,10 | 1,00 | 11,10 |             |
| 182 | 220079 | Thần Dung      | Đoàn   | 05/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Nùng   | THCS Pha Long              | 4,75 | 2,50 | 2,80 | 10,05 | 1,00 | 11,05 | Tiếng Trung |
| 183 | 250149 | Cao Thị        | Vân    | 15/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Phù lá | PTDTBT THCS Tà Gia Khẩu    | 3,25 | 4,00 | 2,80 | 10,05 | 1,00 | 11,05 |             |
| 184 | 220067 | Vàng Thị       | Duyên  | 23/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Nùng   | THCS Năm Lư                | 4,50 | 2,00 | 3,50 | 10,00 | 1,00 | 11,00 |             |
| 185 | 220184 | Lừ Bảo         | Long   | 06/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Mông   | THCS Tà Ngải Chồ           | 5,25 | 2,75 | 2,00 | 10,00 | 1,00 | 11,00 |             |
| 186 | 220271 | Giàng Mai      | Phương | 19/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | TH&THCS Chợ Chậu           | 3,75 | 3,25 | 3,00 | 10,00 | 1,00 | 11,00 |             |
| 187 | 220174 | Thảo Thị       | Linh   | 01/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | THCS Tà Ngải Chồ           | 4,75 | 2,50 | 2,70 | 9,95  | 1,00 | 10,95 |             |
| 188 | 220283 | Tráng Minh     | Quản   | 17/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nam | Mông   | THCS Pha Long              | 2,50 | 3,25 | 4,20 | 9,95  | 1,00 | 10,95 | Tiếng Trung |
| 189 | 220272 | Sùng Thị Thủy  | Phương | 23/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | TH&THCS Dìn Chìn           | 3,75 | 3,25 | 2,90 | 9,90  | 1,00 | 10,90 |             |
| 190 | 250045 | Lồ Xuân        | Hóa    | 13/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai       | Nữ  | Mông   | TH&THCS Dìn Chìn           | 4,50 | 3,50 | 1,90 | 9,90  | 1,00 | 10,90 |             |

44

|     |        |                 |        |            |                        |     |         |                         |      |      |      |       |      |       |
|-----|--------|-----------------|--------|------------|------------------------|-----|---------|-------------------------|------|------|------|-------|------|-------|
| 191 | 220253 | Vàng Seo        | Phà    | 13/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | TH&THCS Dìn Chín        | 3,25 | 4,50 | 2,10 | 9,85  | 1,00 | 10,85 |
| 192 | 220411 | Giảng Thị       | Xoá    | 27/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS Nậm Cháy           | 2,75 | 3,50 | 3,60 | 9,85  | 1,00 | 10,85 |
| 193 | 220110 | Thào Seo        | Hoa    | 16/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS Nậm Cháy           | 3,00 | 3,00 | 3,80 | 9,80  | 1,00 | 10,80 |
| 194 | 220113 | Tráng Mai       | Hoa    | 16/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS TT Mường Khương    | 3,25 | 4,25 | 2,30 | 9,80  | 1,00 | 10,80 |
| 195 | 220213 | Lò Hoà          | Nam    | 25/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS TT Mường Khương    | 3,00 | 3,50 | 3,30 | 9,80  | 1,00 | 10,80 |
| 196 | 220218 | Vàng Thị        | Nga    | 11/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | THCS Nậm Cháy           | 3,00 | 3,00 | 3,80 | 9,80  | 1,00 | 10,80 |
| 197 | 250102 | Ma Thị          | Phuong | 15/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | TH&THCS Dìn Chín        | 3,75 | 3,75 | 2,30 | 9,80  | 1,00 | 10,80 |
| 198 | 220144 | Tạ Đăng         | Khoa   | 08/10/2009 | Văn Yên - Yên Bái      | Nam | Kinh    | THCS TT Mường Khương    | 2,00 | 4,75 | 4,00 | 10,75 | 0,00 | 10,75 |
| 199 | 220263 | Tráng Seo       | Phừ    | 01/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | THCS Tả Ngải Chồ        | 2,25 | 4,00 | 3,50 | 9,75  | 1,00 | 10,75 |
| 200 | 220386 | Sùng Văn        | Trường | 07/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Hmông   | THCS Cao Sơn            | 3,25 | 4,50 | 2,00 | 9,75  | 1,00 | 10,75 |
| 201 | 250110 | Goảng Thên      | Sên    | 17/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Thu lao | PTDTBT THCS Tả Gia Khâu | 4,00 | 3,75 | 2,00 | 9,75  | 1,00 | 10,75 |
| 202 | 220129 | Giảng Seo       | Hùng   | 05/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | THCS Nậm Cháy           | 4,00 | 2,50 | 3,20 | 9,70  | 1,00 | 10,70 |
| 203 | 220297 | Vàng A          | Sèo    | 15/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | THCS Tả Ngải Chồ        | 2,00 | 4,00 | 3,70 | 9,70  | 1,00 | 10,70 |
| 204 | 220035 | Sùng Thị        | Chú    | 14/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | TH&THCS Dìn Chín        | 4,00 | 3,75 | 1,90 | 9,65  | 1,00 | 10,65 |
| 205 | 220192 | Lù Thị          | Lý     | 26/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | TH&THCS Lò Sừ Thàng     | 2,00 | 3,75 | 3,90 | 9,65  | 1,00 | 10,65 |
| 206 | 220237 | Cáo Thị Yến     | Nhi    | 12/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí   | THCS TT Mường Khương    | 3,25 | 4,00 | 2,40 | 9,65  | 1,00 | 10,65 |
| 207 | 220385 | Sùng Văn        | Truyền | 07/09/2007 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS Pha Long           | 3,50 | 3,25 | 2,90 | 9,65  | 1,00 | 10,65 |
| 208 | 220015 | Giảng Seo       | Bình   | 27/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | THCS Tả Ngải Chồ        | 2,00 | 5,00 | 2,60 | 9,60  | 1,00 | 10,60 |
| 209 | 220062 | Nguyễn Ngọc     | Duy    | 19/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Kinh    | THCS TT Mường Khương    | 4,50 | 4,00 | 2,10 | 10,60 | 0,00 | 10,60 |
| 210 | 220216 | Ly Seo          | Nỗ     | 15/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | TH&THCS Dìn Chín        | 3,50 | 3,50 | 2,60 | 9,60  | 1,00 | 10,60 |
| 211 | 220016 | Vàng Thị        | Bình   | 05/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | THCS Nậm Lư             | 3,75 | 3,00 | 2,80 | 9,55  | 1,00 | 10,55 |
| 212 | 220029 | Thào Thị Linh   | Chi    | 14/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS TT Mường Khương    | 4,00 | 2,75 | 2,80 | 9,55  | 1,00 | 10,55 |
| 213 | 220241 | Tráng Thị Quỳnh | Như    | 28/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | THCS Lũng Khẩu Nhín     | 3,50 | 3,75 | 2,30 | 9,55  | 1,00 | 10,55 |
| 214 | 250036 | Thào Thị        | Hà     | 08/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS Na Lóc xã Bản Lầu  | 4,25 | 1,50 | 3,80 | 9,55  | 1,00 | 10,55 |
| 215 | 220324 | Tung Văn        | Tú     | 02/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS Thanh Bình         | 3,75 | 3,25 | 2,50 | 9,50  | 1,00 | 10,50 |
| 216 | 250058 | Tráng Khánh     | Huyền  | 04/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí   | TH&THCS Tung Chung Phố  | 5,50 | 1,75 | 2,20 | 9,45  | 1,00 | 10,45 |
| 217 | 250015 | Sên Thị         | Cúc    | 17/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | PTDTBT THCS Thanh Bình  | 4,50 | 1,25 | 3,70 | 9,45  | 1,00 | 10,45 |
| 218 | 220038 | Phản Thị Thanh  | Chúc   | 08/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao     | TH&THCS Chợ Chậu        | 3,75 | 2,50 | 3,10 | 9,35  | 1,00 | 10,35 |
| 219 | 220313 | Tung Sang       | Tâm    | 24/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí   | THCS TT Mường Khương    | 3,75 | 3,50 | 2,10 | 9,35  | 1,00 | 10,35 |
| 220 | 220032 | Lùng Văn        | Chiều  | 17/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS Lũng Khẩu Nhín     | 4,00 | 3,00 | 2,30 | 9,30  | 1,00 | 10,30 |
| 221 | 220221 | Pờ Sen          | Ngân   | 15/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí   | THCS TT Mường Khương    | 1,75 | 5,25 | 2,30 | 9,30  | 1,00 | 10,30 |
| 222 | 220017 | Sùng Thị        | Cu     | 07/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Móng    | THCS Tả Ngải Chồ        | 3,75 | 3,00 | 2,50 | 9,25  | 1,00 | 10,25 |
| 223 | 220349 | Vàng Đức        | Thắng  | 25/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Móng    | THCS Tả Ngải Chồ        | 3,50 | 3,25 | 2,50 | 9,25  | 1,00 | 10,25 |

877

|     |        |               |        |            |                        |     |      |                        |      |      |      |      |      |       |             |
|-----|--------|---------------|--------|------------|------------------------|-----|------|------------------------|------|------|------|------|------|-------|-------------|
| 224 | 250053 | Lý Thị        | Hường  | 23/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | PTDTBT THCS Thanh Bình | 4,25 | 2,00 | 3,00 | 9,25 | 1,00 | 10,25 |             |
| 225 | 220365 | Giảng Thị     | Thùy   | 22/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tà Ngai Chồ       | 2,75 | 3,75 | 2,70 | 9,20 | 1,00 | 10,20 |             |
| 226 | 220401 | Tráng Thị     | Vì     | 23/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Lũng Khẩu Nhìn    | 3,50 | 3,00 | 2,70 | 9,20 | 1,00 | 10,20 |             |
| 227 | 220108 | Sùng Văn      | Họ     | 22/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | TH&THCS Dìn Chìn       | 2,50 | 4,50 | 2,10 | 9,10 | 1,00 | 10,10 |             |
| 228 | 220342 | Lù Thị Phương | Thảo   | 06/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 3,50 | 3,00 | 2,60 | 9,10 | 1,00 | 10,10 |             |
| 229 | 220384 | Tráng Dìn     | Trung  | 15/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | Trường THCS Na Lốc     | 2,50 | 3,00 | 3,60 | 9,10 | 1,00 | 10,10 | Tiếng Trung |
| 230 | 220158 | Háng Thị      | Lan    | 20/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Lũng Khẩu Nhìn    | 2,75 | 3,00 | 3,30 | 9,05 | 1,00 | 10,05 |             |
| 231 | 220343 | Sin Thị       | Thảo   | 17/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Lư            | 4,50 | 1,75 | 2,80 | 9,05 | 1,00 | 10,05 |             |
| 232 | 220381 | Giảng Quán    | Trúc   | 08/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | TH&THCS Dìn Chìn       | 2,25 | 4,50 | 2,30 | 9,05 | 1,00 | 10,05 |             |
| 233 | 220075 | Phu Văn       | Đạt    | 01/11/2008 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS Nậm Lư            | 4,00 | 2,00 | 3,00 | 9,00 | 1,00 | 10,00 |             |
| 234 | 220176 | Vàng Thị      | Linh   | 10/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | TH&THCS Tung Chung Phố | 3,50 | 3,00 | 2,50 | 9,00 | 1,00 | 10,00 |             |
| 235 | 220259 | Tráng Văn     | Phi    | 12/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | THCS Pha Long          | 2,50 | 4,00 | 2,50 | 9,00 | 1,00 | 10,00 |             |
| 236 | 220321 | Tráng Thị     | Tình   | 14/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tà Ngai Chồ       | 3,25 | 3,25 | 2,50 | 9,00 | 1,00 | 10,00 |             |
| 237 | 220410 | Lý Thị        | Xoa    | 04/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tà Ngai Chồ       | 2,25 | 2,75 | 4,00 | 9,00 | 1,00 | 10,00 |             |
| 238 | 220076 | Ninh Hải      | Đặng   | 04/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Dao  | THCS TT Mường Khương   | 3,25 | 4,00 | 1,70 | 8,95 | 1,00 | 9,95  |             |
| 239 | 220107 | Vàng Chung    | Hiếu   | 03/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS Nậm Lư            | 3,75 | 2,50 | 2,70 | 8,95 | 1,00 | 9,95  |             |
| 240 | 220305 | Thào Thế      | Son    | 01/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | THCS Tà Ngai Chồ       | 3,25 | 2,50 | 3,20 | 8,95 | 1,00 | 9,95  |             |
| 241 | 220332 | Lù Thị        | Tuyết  | 01/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | TH&THCS Lò Sừ Thàng    | 2,00 | 3,75 | 3,20 | 8,95 | 1,00 | 9,95  |             |
| 242 | 220141 | Hàng Quốc     | Khánh  | 02/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | THCS Pha Long          | 3,50 | 3,00 | 2,40 | 8,90 | 1,00 | 9,90  |             |
| 243 | 220148 | Lưu Văn       | Khuyến | 08/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | THCS Pha Long          | 1,25 | 3,25 | 4,40 | 8,90 | 1,00 | 9,90  | Tiếng Trung |
| 244 | 220262 | Thần Thị      | Phơi   | 02/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Chầy          | 2,75 | 3,25 | 2,90 | 8,90 | 1,00 | 9,90  |             |
| 245 | 220140 | Nghệ Dung     | Ký     | 25/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | TH&THCS Tung Chung Phố | 3,75 | 3,00 | 2,10 | 8,85 | 1,00 | 9,85  |             |
| 246 | 250013 | Ma Thị        | Cu     | 14/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | TH&THCS Dìn Chìn       | 2,75 | 3,00 | 3,10 | 8,85 | 1,00 | 9,85  |             |
| 247 | 250099 | Lò Minh       | Phuong | 13/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | PTDTBT THCS Thanh Bình | 3,00 | 3,25 | 2,60 | 8,85 | 1,00 | 9,85  |             |
| 248 | 220249 | Pờ Thị        | Pến    | 14/12/2008 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | TH&THCS Lò Sừ Thàng    | 3,25 | 3,25 | 2,30 | 8,80 | 1,00 | 9,80  |             |
| 249 | 220314 | Sùng Chín     | Tâm    | 01/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Thanh Bình        | 4,00 | 2,00 | 2,80 | 8,80 | 1,00 | 9,80  |             |
| 250 | 250035 | Vàng Thị      | Giang  | 01/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | TH&THCS Lò Sừ Thàng    | 2,50 | 3,50 | 2,80 | 8,80 | 1,00 | 9,80  |             |
| 251 | 220127 | Vàng Sín      | Hội    | 27/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | TH&THCS Tung Chung Phố | 3,75 | 2,50 | 2,50 | 8,75 | 1,00 | 9,75  |             |
| 252 | 220353 | Lò Thị        | Thị    | 08/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Lư            | 4,00 | 2,25 | 2,50 | 8,75 | 1,00 | 9,75  |             |
| 253 | 220366 | Lý Thị        | Thùy   | 16/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS TT Mường Khương   | 2,50 | 3,75 | 2,50 | 8,75 | 1,00 | 9,75  |             |
| 254 | 220406 | Tần Văn       | Vương  | 07/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Dao  | THCS Nậm Chầy          | 1,75 | 3,50 | 3,50 | 8,75 | 1,00 | 9,75  |             |
| 255 | 220190 | Ma Thị        | Lý     | 15/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tà Ngai Chồ       | 2,50 | 3,50 | 2,70 | 8,70 | 1,00 | 9,70  |             |
| 256 | 220194 | Sùng Thị      | Mai    | 11/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tà Ngai Chồ       | 2,50 | 2,50 | 3,70 | 8,70 | 1,00 | 9,70  |             |

249

|     |        |               |        |            |                        |     |         |                         |      |      |      |      |      |      |             |
|-----|--------|---------------|--------|------------|------------------------|-----|---------|-------------------------|------|------|------|------|------|------|-------------|
| 257 | 220408 | Sân Chí       | Vỹ     | 02/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS TT Mường Khương    | 3,00 | 3,00 | 2,70 | 8,70 | 1,00 | 9,70 |             |
| 258 | 220128 | Ly Hồng       | Huệ    | 11/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Pa Dí   | THCS Nậm Chảy           | 3,25 | 3,50 | 1,90 | 8,65 | 1,00 | 9,65 |             |
| 259 | 220236 | Lục Phạm Yên  | Nhi    | 16/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | THCS TT Mường Khương    | 2,00 | 3,75 | 2,90 | 8,65 | 1,00 | 9,65 |             |
| 260 | 220051 | Giàng Thùy    | Dung   | 26/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Hmông   | THCS Tà Ngải Chồ        | 2,50 | 1,50 | 4,60 | 8,60 | 1,00 | 9,60 |             |
| 261 | 220152 | Ly Trí        | Khương | 17/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS Nậm Lư             | 2,50 | 3,00 | 3,10 | 8,60 | 1,00 | 9,60 |             |
| 262 | 220171 | Sùng Văn      | Lìn    | 24/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông    | THCS Pha Long           | 1,75 | 3,25 | 3,60 | 8,60 | 1,00 | 9,60 | Tiếng Trung |
| 263 | 220394 | Ly Thị        | Vân    | 09/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Pha Long           | 2,75 | 3,75 | 2,10 | 8,60 | 1,00 | 9,60 |             |
| 264 | 250147 | Ly Thuý       | Vân    | 08/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Tà Ngải Chồ        | 3,50 | 2,50 | 2,60 | 8,60 | 1,00 | 9,60 |             |
| 265 | 220403 | Ly Ngọc       | Việt   | 06/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Hmông   | THCS TT Mường Khương    | 1,50 | 3,25 | 3,80 | 8,55 | 1,00 | 9,55 | Tiếng Trung |
| 266 | 220125 | Vàng Sìn      | Hồng   | 08/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông    | THCS Tà Ngải Chồ        | 2,50 | 3,50 | 2,50 | 8,50 | 1,00 | 9,50 |             |
| 267 | 220191 | Giảng Seo     | Ly     | 25/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Pha Long           | 3,25 | 2,75 | 2,50 | 8,50 | 1,00 | 9,50 |             |
| 268 | 220275 | Ly Thị        | Phương | 08/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Pha Long           | 1,50 | 3,00 | 4,00 | 8,50 | 1,00 | 9,50 | Tiếng Trung |
| 269 | 220058 | Tần Văn       | Dũng   | 03/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Dao     | THCS Nậm Chảy           | 2,75 | 3,00 | 2,70 | 8,45 | 1,00 | 9,45 |             |
| 270 | 220093 | Chấu Thị      | Hằng   | 12/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | TH&THCS Lò Sừ Thàng     | 3,25 | 3,00 | 2,20 | 8,45 | 1,00 | 9,45 |             |
| 271 | 220124 | Hằng Thị      | Hồng   | 10/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Nậm Chảy           | 3,00 | 3,25 | 2,20 | 8,45 | 1,00 | 9,45 |             |
| 272 | 220166 | Vàng Thị Ngọc | Lê     | 12/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | THCS Nậm Chảy           | 3,50 | 2,75 | 2,20 | 8,45 | 1,00 | 9,45 |             |
| 273 | 220393 | Lưu Thị       | Vân    | 14/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Tà Ngải Chồ        | 2,25 | 3,00 | 3,20 | 8,45 | 1,00 | 9,45 |             |
| 274 | 220291 | Sùng Seo      | Sai    | 20/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | TH&THCS Dìn Chìn        | 3,00 | 3,50 | 1,90 | 8,40 | 1,00 | 9,40 |             |
| 275 | 220039 | Vàng Thị      | Chúc   | 05/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | THCS Thanh Bình         | 3,75 | 1,50 | 3,10 | 8,35 | 1,00 | 9,35 |             |
| 276 | 220135 | Si Thị Ngọc   | Hương  | 27/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Phù Lát | THCS Nậm Lư             | 4,75 | 1,50 | 2,10 | 8,35 | 1,00 | 9,35 |             |
| 277 | 220413 | Giảng Chá     | Xuân   | 06/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông    | TH&THCS Tung Chung Phố  | 2,75 | 3,00 | 2,60 | 8,35 | 1,00 | 9,35 |             |
| 278 | 250076 | Sùng Văn      | Minh   | 27/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông    | PTDTBT THCS Tà Gia Khâu | 2,25 | 3,00 | 3,10 | 8,35 | 1,00 | 9,35 |             |
| 279 | 220270 | Ma Thị        | Phương | 25/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | TH&THCS Chợ Chậu        | 2,50 | 3,50 | 2,30 | 8,30 | 1,00 | 9,30 |             |
| 280 | 220300 | Giảng Thị     | Sinh   | 16/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | TH&THCS Chợ Chậu        | 3,00 | 2,50 | 2,80 | 8,30 | 1,00 | 9,30 |             |
| 281 | 220388 | Giảng Văn     | Trường | 09/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | H Mông  | THCS Cao Sơn            | 2,75 | 3,25 | 2,30 | 8,30 | 1,00 | 9,30 |             |
| 282 | 250002 | Goảng Đại     | An     | 02/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Phù Lát | PTDTBT THCS Tà Gia Khâu | 2,75 | 3,25 | 2,30 | 8,30 | 1,00 | 9,30 |             |
| 283 | 220209 | Sùng Thị      | Mý     | 17/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | TH&THCS Dìn Chìn        | 3,50 | 3,25 | 1,50 | 8,25 | 1,00 | 9,25 |             |
| 284 | 250126 | Nùng Thị      | Thom   | 06/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng    | PTDTBT THCS Nậm Lư      | 4,00 | 1,75 | 2,50 | 8,25 | 1,00 | 9,25 |             |
| 285 | 220026 | Ly Seo        | Chấn   | 23/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông    | THCS Tà Ngải Chồ        | 2,00 | 3,50 | 2,70 | 8,20 | 1,00 | 9,20 |             |
| 286 | 220170 | Lùng Cồ       | Liều   | 03/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS Nậm Lư             | 2,75 | 2,75 | 2,70 | 8,20 | 1,00 | 9,20 |             |
| 287 | 220268 | Ly Ngọc       | Phương | 26/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông    | THCS Pha Long           | 2,75 | 2,75 | 2,70 | 8,20 | 1,00 | 9,20 |             |
| 288 | 220355 | Vàng Sìn      | Thịnh  | 02/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Pa Dí   | THCS TT Mường Khương    | 3,50 | 3,00 | 1,70 | 8,20 | 1,00 | 9,20 |             |
| 289 | 220044 | Giảng Minh    | Diệp   | 19/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng    | THCS Nậm Lư             | 2,75 | 2,50 | 2,90 | 8,15 | 1,00 | 9,15 |             |

409

|     |        |                |        |            |                        |     |      |                        |      |      |      |      |      |      |             |
|-----|--------|----------------|--------|------------|------------------------|-----|------|------------------------|------|------|------|------|------|------|-------------|
| 290 | 220081 | Tấn Seo        | Ghoàn  | 29/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Dao  | THCS Lung Khẩu Nhìn    | 3,75 | 3,00 | 1,40 | 8,15 | 1,00 | 9,15 |             |
| 291 | 220131 | Lêng Sừ        | Hùng   | 11/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS Nậm Cháy          | 3,50 | 2,25 | 2,40 | 8,15 | 1,00 | 9,15 |             |
| 292 | 220042 | Vàng Văn       | Chương | 15/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | THCS Tả Ngải Chồ       | 2,50 | 3,00 | 2,60 | 8,10 | 1,00 | 9,10 |             |
| 293 | 220149 | Vàng Thị       | Khuyên | 21/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | TH&THCS Tung Chung Phố | 2,75 | 2,75 | 2,60 | 8,10 | 1,00 | 9,10 |             |
| 294 | 220030 | Vàng Đoi       | Chi    | 15/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | TH&THCS Lò Sừ Thàng    | 3,50 | 3,25 | 1,30 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 295 | 220121 | Giảng Thị      | Hoàn   | 22/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Nậm Cháy          | 3,25 | 2,50 | 2,30 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 296 | 220154 | Ly Thị         | Lan    | 04/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao  | THCS Nậm Cháy          | 1,75 | 3,50 | 2,80 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 297 | 220188 | Sán Thanh      | Lượng  | 18/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 2,00 | 3,25 | 2,80 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 298 | 220255 | Vàng Thị       | Phan   | 04/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Lư            | 3,75 | 2,00 | 2,30 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 299 | 220274 | Thào Thị       | Phương | 10/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tả Ngải Chồ       | 2,00 | 2,75 | 3,30 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 300 | 220354 | Lý Thị         | Thiên  | 08/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | TH&THCS Lò Sừ Thàng    | 3,00 | 2,25 | 2,80 | 8,05 | 1,00 | 9,05 |             |
| 301 | 220379 | Vương Thị Thủy | Trang  | 03/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Tày  | THCS TT Mường Khương   | 2,50 | 2,75 | 2,80 | 8,05 | 1,00 | 9,05 | Tiếng Trung |
| 302 | 220007 | Thần Dung Huy  | Anh    | 25/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | TH&THCS Tung Chung Phố | 3,75 | 2,75 | 1,50 | 8,00 | 1,00 | 9,00 |             |
| 303 | 220097 | Lý Thị Minh    | Hiền   | 20/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tả Ngải Chồ       | 3,25 | 2,75 | 2,00 | 8,00 | 1,00 | 9,00 |             |
| 304 | 220368 | Sán Thị Thanh  | Thủy   | 12/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 3,50 | 3,00 | 1,50 | 8,00 | 1,00 | 9,00 |             |
| 305 | 220412 | Hoàng Bình     | Xuân   | 19/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Dao  | THCS Nậm Cháy          | 2,00 | 2,50 | 3,50 | 8,00 | 1,00 | 9,00 |             |
| 306 | 250137 | Nguyễn Đình    | Trường | 27/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | PTDTBT THCS Thanh Bình | 3,75 | 1,25 | 3,00 | 8,00 | 1,00 | 9,00 |             |
| 307 | 220045 | Chấu Thị       | Đin    | 05/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Tả Ngải Chồ       | 2,75 | 2,50 | 2,70 | 7,95 | 1,00 | 8,95 |             |
| 308 | 220214 | Lù Quang       | Ninh   | 21/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS Lung Khẩu Nhìn    | 3,25 | 2,50 | 2,20 | 7,95 | 1,00 | 8,95 |             |
| 309 | 220359 | Tráng Thị      | Thom   | 03/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Lư            | 2,50 | 2,75 | 2,70 | 7,95 | 1,00 | 8,95 |             |
| 310 | 220043 | Lồ Thị         | Đi     | 20/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Pha Long          | 2,50 | 2,00 | 3,40 | 7,90 | 1,00 | 8,90 | Tiếng Trung |
| 311 | 220066 | Vàng Thị       | Duyên  | 28/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 3,50 | 2,00 | 2,40 | 7,90 | 1,00 | 8,90 |             |
| 312 | 220242 | Lù Thị         | Như    | 05/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Lung Khẩu Nhìn    | 3,50 | 2,50 | 1,90 | 7,90 | 1,00 | 8,90 |             |
| 313 | 220311 | Lùng Quán      | Tả     | 05/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS Nậm Lư            | 3,50 | 2,50 | 1,90 | 7,90 | 1,00 | 8,90 |             |
| 314 | 220352 | Lục Thị        | Thấy   | 15/10/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Lư            | 3,00 | 2,50 | 2,40 | 7,90 | 1,00 | 8,90 |             |
| 315 | 220402 | Thào Seo       | Vĩ     | 15/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | TH&THCS Chợ Chậu       | 1,75 | 3,25 | 2,90 | 7,90 | 1,00 | 8,90 |             |
| 316 | 220065 | Vàng Thị Hoài  | Duyên  | 07/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS Nậm Cháy          | 2,50 | 2,75 | 2,60 | 7,85 | 1,00 | 8,85 |             |
| 317 | 220089 | Vương Thị      | Hành   | 06/02/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 2,50 | 3,75 | 1,60 | 7,85 | 1,00 | 8,85 |             |
| 318 | 220118 | Ly Chừ         | Hòa    | 21/09/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 2,00 | 3,25 | 2,60 | 7,85 | 1,00 | 8,85 | Tiếng Trung |
| 319 | 220207 | Sùng Văn       | Minh   | 24/01/2008 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông | THCS Tả Ngải Chồ       | 1,75 | 2,50 | 3,60 | 7,85 | 1,00 | 8,85 |             |
| 320 | 220309 | Giảng Thị      | Sướng  | 30/03/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông | THCS Nậm Cháy          | 2,75 | 2,00 | 3,10 | 7,85 | 1,00 | 8,85 |             |
| 321 | 220392 | Phản Thị       | Vân    | 20/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao  | THCS Lung Khẩu Nhìn    | 2,25 | 4,00 | 1,60 | 7,85 | 1,00 | 8,85 |             |
| 322 | 220002 | Tải Văn        | An     | 12/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng | THCS TT Mường Khương   | 3,00 | 2,50 | 2,30 | 7,80 | 1,00 | 8,80 |             |

10

|     |        |                |        |            |                        |     |        |                      |  |      |      |      |      |      |      |
|-----|--------|----------------|--------|------------|------------------------|-----|--------|----------------------|--|------|------|------|------|------|------|
| 323 | 220074 | Nùng Văn       | Đạt    | 03/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | THCS Nậm Chảy        |  | 3,00 | 2,50 | 2,30 | 7,80 | 1,00 | 8,80 |
| 324 | 220086 | Lý Ánh         | Hà     | 26/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao    | THCS Thanh Bình      |  | 3,00 | 3,00 | 1,80 | 7,80 | 1,00 | 8,80 |
| 325 | 220168 | Lù Thị Chính   | Liêm   | 27/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS Nậm Lư          |  | 3,50 | 1,25 | 3,00 | 7,75 | 1,00 | 8,75 |
| 326 | 250031 | Vương Quốc     | Dũng   | 23/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | PTDTBT THCS Nậm Lư   |  | 2,75 | 3,00 | 2,00 | 7,75 | 1,00 | 8,75 |
| 327 | 220322 | Vàng Văn       | Tỉnh   | 18/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | THCS Thanh Bình      |  | 3,00 | 1,00 | 3,70 | 7,70 | 1,00 | 8,70 |
| 328 | 220363 | Thảo Thị       | Thủy   | 02/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS Nậm Chảy        |  | 2,50 | 2,00 | 3,20 | 7,70 | 1,00 | 8,70 |
| 329 | 220399 | Tần Thị        | Vấn    | 11/04/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Hmông  | THCS Pha Long        |  | 3,25 | 2,25 | 2,20 | 7,70 | 1,00 | 8,70 |
| 330 | 220077 | Vương Thị      | Điệp   | 07/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương |  | 2,75 | 2,00 | 2,90 | 7,65 | 1,00 | 8,65 |
| 331 | 220224 | Lù Thị         | Nghiep | 27/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS Lũng Khẩu Nhìn  |  | 3,00 | 1,75 | 2,90 | 7,65 | 1,00 | 8,65 |
| 332 | 220223 | Lù Sầu         | Nghiep | 08/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | THCS Nậm Lư          |  | 2,75 | 1,25 | 3,60 | 7,60 | 1,00 | 8,60 |
| 333 | 220347 | Thào Mạnh      | Thắng  | 23/06/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông   | THCS Pha Long        |  | 3,00 | 2,00 | 2,60 | 7,60 | 1,00 | 8,60 |
| 334 | 220369 | Thần Thị       | Thư    | 08/12/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS Nậm Lư          |  | 3,50 | 2,00 | 2,10 | 7,60 | 1,00 | 8,60 |
| 335 | 220122 | Vàng Thị       | Hoàn   | 21/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS Tả Ngải Chồ     |  | 4,25 | 0,50 | 2,80 | 7,55 | 1,00 | 8,55 |
| 336 | 220277 | Lý Thị Mai     | Phuong | 19/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Nùng   | THCS TT Mường Khương |  | 2,75 | 1,50 | 3,30 | 7,55 | 1,00 | 8,55 |
| 337 | 220024 | Giảng Thị      | Chá    | 01/07/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | THCS Tả Ngải Chồ     |  | 2,50 | 3,00 | 2,00 | 7,50 | 1,00 | 8,50 |
| 338 | 220053 | Tráng Thị Ngọc | Dung   | 25/11/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Mông   | TH&THCS Dìn Chín     |  | 2,50 | 3,00 | 2,00 | 7,50 | 1,00 | 8,50 |
| 339 | 220095 | Tần Kim        | Hiền   | 08/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Dao    | THCS Nậm Chảy        |  | 2,00 | 2,50 | 3,00 | 7,50 | 1,00 | 8,50 |
| 340 | 220266 | Nông Chí       | Phước  | 23/05/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Nùng   | THCS Nậm Lư          |  | 2,50 | 3,00 | 2,00 | 7,50 | 1,00 | 8,50 |
| 341 | 220130 | Hàng Minh      | Hùng   | 09/01/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nam | Mông   | THCS Tả Ngải Chồ     |  | 2,25 | 3,00 | 2,20 | 7,45 | 1,00 | 8,45 |
| 342 | 220254 | Sì Xuân        | Phan   | 15/08/2009 | Mường Khương - Lào Cai | Nữ  | Phù Lá | THCS Nậm Lư          |  | 2,75 | 2,00 | 2,70 | 7,45 | 1,00 | 8,45 |

### XÉT DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT

Số học sinh dự thi: 503 HS

Nhà trường đề nghị tuyển: 342 HS

Điểm chuẩn: 8,45

Trong đó: 127 Nam, 215 Nữ, Dân tộc: 302

Con liệt sĩ: 0 Con TB, BB, con người nhiễm CDHH: 0

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Phan Như Quỳnh*

Cán bộ duyệt

*Trang Thị Dìn*

Lãnh đạo Phòng GDT-H

*Đỗ Thanh Tùng*

### HỘI ĐỒNG DUYỆT TUYỂN SINH SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số học sinh trúng tuyển: 342

Điểm chuẩn: 8,45 trong đó không có điểm ...

Lào Cai, ngày ..... tháng ... năm 20..

**GIÁM ĐỐC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Minh Thuận*